ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Số: 21/TB-XHNV-KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO
Về mức học phí các chương trình đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐĐHQG ngày 22/10/2021 của Hội đồng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông báo mức thu học phí các chương trình đào tạo năm học 2023-2024 theo chi tiết sau:

1. Chương trình đào tạo chuẩn

a) Đối với các khóa trước tự chủ (từ năm 2021 trở về trước)

- Mức học phí

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mức học phí/tín chỉ
1	**Chương trình chuẩn**	247.000
2	**Ngành Việt Nam học**	
a	Đối tượng người Việt Nam	247.000
b	Đối tượng người nước ngoài	1.200.000

- Học phí sinh viên được tính theo số tín chỉ đăng ký (tín chỉ thực học) nhân với mức học phí 01 tín chỉ.

b) Đối với khóa tự chủ (khóa 2022 và 2023)

- Mức học phí

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mức học phí/ năm học	Mức học phí/ tín chỉ
A	*B*	*1*	*2*
1	**Nhóm ngành Khoa học xã hội**		
a	Nhóm 1: Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Địa lý học, Thông tin - Thư viện, Lưu trữ học	13.000.000	430.000
b	Nhóm 2: Giáo dục học, Ngôn ngữ học, Văn học,Văn hóa học, Xã hội học, Nhân học, Đông phương học, Quản trị văn phòng, Công tác xã hội, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục, Đô	19.800.000	640.000

	thị học, Quản lý thông tin.		
c	Nhóm 3: Quan hệ quốc tế, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện.	22.000.000	710.000
2	**Nhóm ngành Ngôn ngữ, Du lịch**		
a	Nhóm 1: Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Tây Ban Nha.	15.600.000	510.000
b	Nhóm 2: Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Đức	23.700.000	780.000
c	Nhóm 3: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	26.400.000	860.000
3	**Ngành Việt Nam học**		
a	Đối tượng người Việt Nam	19.800.000	640.000
b	Đối tượng người nước ngoài	60.000.000	1.950.000

- Học phí sinh viên được tính cụ thể cho các khóa như sau:

+ Khóa 2022: học phí tính theo số tín chỉ học tập đã đăng ký nhân với mức học phí 01 tín chỉ (theo số liệu cột 2).

+ Khóa 2023: học phí tính theo niên chế (theo số liệu cột 1).

2. Chương trình đào tạo chất lượng cao

a) Mức học phí

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mức học phí/ năm học	Mức học phí/ tín chỉ
A	*B*	*1*	*2*
1	Mức thu học phí đối với các khóa trước tự chủ (từ năm 2021 trở về trước)	36.000.000	840.000
2	Mức thu học phí đối với khóa tự chủ (khóa 2022 và 2023)	60.000.000	1.950.000

b) Học phí sinh viên chương trình Chất lượng cao được tính theo niên chế (theo số liệu cột 1)

3. Chương trình đào tạo Văn bằng 2, Vừa làm vừa học, Liên thông, Từ xa, Song ngành

a) Mức học phí

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mức học phí/ năm học	Mức học phí/ tín chỉ
A	*B*	*1*	*2*
1	**Các khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở về trước**		
	- Văn bằng 2		440.000
	- Vừa làm vừa học		400.000
	- Liên thông		400.000
	- Từ xa		330.000
	- Song ngành		370.000

2	**Khóa tuyển sinh năm 2022 và 2023**		
	- Văn bằng 2	24.200.000	800.000
	- Vừa làm vừa học	24.200.000	800.000
	- Liên thông	24.200.000	800.000
	- Từ xa	24.200.000	690.000
	- Song ngành	24.200.000	800.000

b) Học phí sinh viên được tính cụ thể cho các khóa như sau

- Khóa 2021 trở về trước: học phí tính theo số tín chỉ học phí đã đăng ký nhân với mức học phí 01 tín chỉ (theo số liệu cột 2).

- Khóa 2022: học phí tính theo số tín chỉ học tập đã đăng ký nhân với mức học phí 01 tín chỉ (theo số liệu cột 2).

- Khóa 2023: học phí tính theo niên chế (theo số liệu cột 1), riêng chương trình đào tạo Song ngành đóng học phí theo tín chỉ đăng ký học thực tế (theo số liệu cột 2).

4. Chương trình đào tạo Sau đại học

a) Mức học phí

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mức học phí/ năm học	Mức học phí/ tín chỉ
A	*B*	*1*	*2*
I	**Các khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở về trước**		
1	Đào tạo trong giờ hành chính		
1.1	Cao học		
a	Đối tượng người Việt Nam		540.000
b	Đối tượng người nước ngoài		1.750.000
1.2	Nghiên cứu sinh		
a	Đối tượng người Việt Nam		890.000
b	Đối tượng người nước ngoài		1.750.000
2	Đào tạo cao học ngoài giờ hành chính		810.000
3	Cao học và Nghiên cứu sinh hết thời hạn đào tạo chính thức		
a	Cao học		810.000/tháng
b	Nghiên cứu sinh		1.350.000/tháng
II	**Khóa tuyển sinh năm 2022 và 2023**		
1	Cao học		
a	Đối tượng người Việt Nam	33.000.000	1.100.000
b	Đối tượng người nước ngoài	57.900.000	1.930.000
2	Nghiên cứu sinh		
a	Đối tượng người Việt Nam	55.000.000	1.830.000
b	Đối tượng người nước ngoài	60.600.000	2.020.000
3	Dự bị Tiến sĩ		
a	Đối tượng người Việt Nam	55.000.000	1.830.000
b	Đối tượng người nước ngoài	60.600.000	2.020.000

4	Cao học và Nghiên cứu sinh hết thời hạn đào tạo chính thức		
a	Cao học		1.100.000/tháng
b	Nghiên cứu sinh		1.830.000/tháng

b) Học phí học viên được tính cụ thể cho các khóa như sau

- Khóa 2021 và Khóa 2022: học phí tính theo số tín chỉ học tập đã đăng ký nhân với mức học phí 01 tín chỉ (theo số liệu cột 2).

- Khóa 2023: học phí tính theo niên chế (theo số liệu cột 1).

5. Miễn học phí

Trường miễn học phí đối với các chuyên ngành: Lịch sử Đảng, Triết học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Tổ chức thực hiện

- Đối với những khóa đào tạo tính học phí theo niên chế (không tính theo tín chỉ), mức học phí 01 tín chỉ được trình bày tại các bảng trên để tính học phí trong trường hợp người học đăng ký học vượt, học lại, cải thiện, chuyển đổi tín chỉ.

- Việc nộp học phí là nghĩa vụ của người học. Người học chưa hoàn thành nghĩa vụ học phí sẽ không được tham gia đăng ký môn học, thi giữa kỳ, thi hết môn, đăng ký hồ sơ bảo vệ luận văn, luận án, xét tốt nghiệp.

- Phòng Đào tạo, Phòng Sau Đại học và các khoa, bộ môn thông báo đến người học để thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị (để t/h);
- BGH (để b/c);
- Lưu: HC-TH, KH-TC.

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Phan Thanh Định